

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự  
toán ngân sách huyện Tân Yên 6 tháng đầu năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND huyện Tân Yên V/v Giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 2020;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện 6 tháng đầu năm 2020, cụ thể:

**1. Về số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện 6 tháng đầu năm 2020:** Theo mẫu biểu số 93/CK-NSNN, 94/CK-NSNN, 95/CK-NSNN đính kèm.

**2. Về thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện 6 tháng đầu năm 2020:**

**2.1. Về thu NSNN:** Thu trên địa bàn: 136.941 triệu đồng (thu tiền sử dụng đất: 79.837 triệu đồng) đạt 53,22% so với dự toán huyện giao đầu năm và 32,65% so cùng kỳ năm trước; thu trợ cấp từ ngân sách cấp trên: 359.065 triệu đồng, đạt 65,25% so với dự toán giao đầu năm, bằng 140,41% so với cùng kỳ năm trước.

**2.2. Về chi NSNN:** Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020: 524.930 triệu đồng, đạt 67,2% so với dự toán huyện giao đầu năm, 120,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển 130.000 triệu đồng đạt 96,3% so với dự toán huyện giao đầu năm và đạt 120,3% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi thường xuyên 340.926 triệu đồng đạt 54,1% so với dự toán huyện giao đầu năm và 107,3% so cùng kỳ năm trước.

- Chi từ nguồn dự phòng ngân sách: 6.776 triệu đồng, đạt 43,6% so với dự toán giao đầu năm và bằng 312,1% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu Chương trình mục tiêu quốc gia: 47.228 triệu đồng bằng 393,6% so với cùng kỳ năm trước.

**Điều 2.** Giao cho Trung tâm VH-TT huyện có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên cổng thông tin điện tử của huyện theo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Thủ trưởng các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc UBND huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;

**Bản điện tử:**

- Sở Tài chính (b/c);
- TT Huyện Ủy, TT HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, cơ quan đoàn thể thuộc huyện;
- Viện Kiểm Sát, Tòa án Nhân dân huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CV;
- Lưu: VT, TCKH

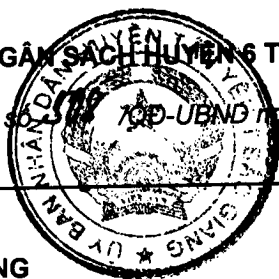
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Đương Ngô Mạnh

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 09/07/2020 của UBND huyện)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>646.455</b>	<b>694.952</b>	<b>107,5</b>	<b>104,8</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>174.780</b>	<b>113.932</b>	<b>65,2</b>	<b>38,0</b>
1	Thu nội địa	174.780	113.932	65,2	38,0
2	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>221.958</b>		<b>206,8</b>
<b>III</b>	<b>Thu kết dư</b>				
<b>IV</b>	<b>Thu trợ cấp từ NS cấp trên</b>	<b>471.675</b>	<b>359.062</b>	<b>76,1</b>	<b>140,4</b>
<b>V</b>	<b>Ghi thu khoản thu được để lại</b>				
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>780.852</b>	<b>524.930</b>	<b>67,2</b>	<b>120,3</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	<b>780.852</b>	<b>477.702</b>	<b>61,2</b>	<b>112,5</b>
1	Chi đầu tư phát triển	135.000	130.000	96,3	132,0
2	Chi thường xuyên	630.322	340.926	54,1	107,3
3	Dự phòng ngân sách	15.530	6.776	43,6	312,1
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>		<b>47.228</b>		<b>393,6</b>

## THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>252.158</b>	<b>358.899</b>	<b>142,33</b>	<b>88,14</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>252.158</b>	<b>136.941</b>	<b>54,31</b>	<b>45,67</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		700		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	32.286	16.137	49,98	92,73
4	Thuế thu nhập cá nhân	9.050	8.404	92,86	218,29
5	Thuế tài nguyên				-
6	Lệ phí trước bạ	42.722	16.242	38,02	89,73
7	Thu phí, lệ phí	4.000	2.813	70,33	132,44
8	Các khoản thu về nhà, đất	153.700	86.431	56,23	35,18
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.200	122	10,17	58,37
-	Thu tiền sử dụng đất	150.000	79.837	53,22	32,65
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.500	6.472	258,88	667,22
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	7.800	4.028	51,64	38,41
11	Thu tại xã	2.600	1.656	63,71	129,81
12	Thu đóng góp nhân dân		139		19,86
13	Thu tiền khai thác khoáng sản		391		1.562,10
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>780.852</b>	<b>694.952</b>	<b>89,00</b>	<b>104,83</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	220.473	108.404	49,17	37,91
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	10.108	5.528	54,69	39,81
3	Thu kết dư ngân sách năm trước				
4	Thu chuyển nguồn năm trước		221.958		206,80
5	Thu bổ sung ngân sách cấp trên	550.271	359.062	65,25	140,41
	Trong đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	443.615	221.808	50,00	100,00
	- Bổ sung có mục tiêu	106.656	137.254	128,69	404,64

Biểu số 95/CK-NSNN

## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 17/2020 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	So sánh ước thực hiện	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>780.852</b>	<b>524.930</b>	<b>67,2</b>	<b>120,3</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>135.000</b>	<b>130.000</b>	<b>96,3</b>	<b>132,0</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án				
2	Chi đầu tư phát triển khác				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>630.322</b>	<b>340.926</b>	<b>54,1</b>	<b>107,3</b>
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	339.691	161.251	47,5	96,6
2	Chi khoa học và công nghệ	672	298	44,3	198,7
3	Chi y tế, dân số và gia đình		1.411		11,1
4	Chi văn hóa thông tin	7.995	3.734	46,7	165,1
5	Chi phát thanh, truyền hình	2.131	502	23,6	113,3
6	Chi thể dục thể thao	1.175	436	37,1	73,0
7	Chi bảo vệ môi trường	2.374	1.564	65,9	183,9
8	Chi hoạt động kinh tế	63.464	41.936	66,1	129,5
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	111.695	71.888	64,4	99,4
10	Chi bảo đảm xã hội	45.573	46.648	102,4	222,1
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>15.530</b>	<b>6.776</b>	<b>43,6</b>	<b>312,1</b>
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>		<b>47.228</b>		<b>393,6</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		47.228		393,6
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				